TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 366/2023/DS-PT
Ngày: 27 - 9 – 2023
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘICHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hứa Như Nguyện, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Lý Văn V, sinh năm 1938 (Có mặt);

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1958 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Bà Nguyễn Thị T5 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Lý Văn T2, sinh năm 1980 (Có mặt).

2. Chị Lưu Mỹ L, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Nguyễn Thị B2 sinh năm 1992 (Vắng mặt);

2. Anh Lý Hoài N2, sinh năm 2004 (Có mặt);

3. Chị Võ Thị N1, sinh năm 1961 (Có mặt);

4. Anh Lý Văn T4, sinh năm 1974 (Có mặt);

5. Anh Lý Văn B1, sinh năm 1957 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Lý Văn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quát trình tố tụng nguyên đơn ông Lý Văn V trình bày:*

Ông và bà Trần Thị T1 có một phần đất được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 09/6/1997 với diện tích 25.700m^2, phần đất toạ lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh C .. Vào năm 2018, ông giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai là Lý Văn T2 và uỷ quyền cho anh T2 đi làm thủ tục để ông tặng cho đất lại các con. Đến năm 2019, thì anh T2 ký kết hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước xuống đo đạc phần đất, sau đó anh T2 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và kêu ông và bà T1 ký tên. Tuy nhiên, khi ký tên ông và bà T1 không biết đó là hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất của ông và bà T1 cho anh T2.

Đến năm 2021, thì ông mới biết anh T2 đang làm thủ tục để được đứng tên toàn bộ phần đất của ông và bà T1 nên ông đã làm đơn gửi đến Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước để yêu cầu rút lại giấy uỷ quyền và gửi đơn đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cái Nước để yêu cầu ngăn chặn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2.

Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng tổ chức hoà giải hai lần nhưng anh T2 không có mặt nên ngày 17/5/2021 Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng đã làm văn bản gửi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước để yêu cầu tạm dừng thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông, bà T1 và anh T2. Cũng trong ngày 17/5/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước có thông báo về việc tạm dừng thực hiện thủ tục hành chính đối với hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông, bà T1 và anh T2.

Đối với phần đất tranh chấp ông đã giao cho anh Lý Văn B1 quản lý, sử dụng một phần có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.516,6m^2 vào khoảng năm 1994, phần còn lại theo đo đạc thực tế có diện tích 13.125.3m^2 anh Lý Văn T4 đang quản ý, sử dụng. Trên phần đất anh T4 đang quản lý có một căn nhà của ông cất trước đây để cho ông và các con cùng sinh sống.

Ông không tặng cho toàn bộ phần đất cho anh T2 nên không giao đất cho anh T2, hiện phần đất tranh chấp vẫn do gia đình anh B1 và gia đình anh T4 và ông đang quản lý, sử dụng.

Ông yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cái Nước huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông, bà T1 và anh T2 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng chứng thực vào ngày 04/6/2020. Buộc anh T2 và chị Lưu Mỹ L trả lại cho ông và bà T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên

Tại phiên toà sơ thẩm, ông xác định không liên quan gì đến chị L nên ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị L.

- *Trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị T1 trình bày*:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V, ngoài ra bà có ý kiến bổ sung như sau: Phần đất trên đã cho anh B1 một phần từ năm 1994, phần còn lại thì để cho các con ai không có chỗ ở thì về ở, còn bà và ông V cùng một người con khác là Lý Hoàng Giao tạm thuê nơi khác để ở và làm lò rèn. Ngoài phần đất tranh chấp thì bà và ông V không còn phần đất nào khác, hiện tại bà và ông V còn đang ở đất thuê nên bà và ông V không thể cho toàn bộ phần đất lại cho anh T2, trong khi anh T2 đã có gia đình và có nhà sinh sống tại thành phố Cà Mau.

- *Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lý Văn T2 trình bày*:

Ngày 04/6/2020 cha mẹ anh là ông Lý Văn V và bà Trần Thị T1 đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, nội dung ông V và bà T1 tặng cho anh phần đất diện tích 20.618,1m^2, thửa 269, 270 toạ lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh C ., hợp đồng không có điều kiện kèm theo. Khi lập hợp đồng tặng cho thì ông V và bà T1 đều có ký tên. Đối với phần đất ông V và bà T1 tặng cho anh hiện do anh B1, chị N1 và anh T4, chị B2 quản lý, sử dụng, tuy nhiên anh không có yêu cầu gì đối với anh B1, chị N1, anh T4, chị B2, anh chỉ yêu cầu Toà án giải quyết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và ông V, bà T1. Anh chưa quản lý, sử dụng phần đất được cho và cũng chưa đầu từ cải tạo gì trên phần đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện anh đang giữ. Đối với vụ án thì không liên quan gì đến vợ anh là chị Lưu Mỹ L vì hợp đồng tặng cho đất là cho anh và anh cũng là người đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V và bà T1.

Đối với yêu cầu của ông V và bà T1 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và ông V, bà T1 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng chứng thực vào ngày 04/6/2020 vô hiệu, buộc anh trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà T1 thì anh không đồng ý. Vì hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và ông V, bà T1 là hợp pháp và tự nguyện.

Trong quá trình tố tụng Lý Văn B1 trình bày:

Đối với phần đất đang tranh chấp giữa ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 với ông Lý Văn T2 thì anh đang quản lý, canh tác một phần có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.516,6m^2. Phần đất này anh được ông V tặng cho vào năm 1994 sau khi anh cưới vợ được khoảng 02 năm, sau khi được ông V cho thì anh đã cất nhà và sinh sống từ năm 1994 cho đến nay. Trước đây khi cho thì ông V chỉ nói miệng chứ không lập thành văn bản, đến nay vẫn chưa làm thủ tục tặng cho để anh đứng tên quyền sử dụng. Trên phần đất anh quản lý có 01 căn nhà (cây lá địa phương), một cái cống để lấy nước nuôi tôm. Hiện anh đang sinh sống trên phần đất đang tranh chấp cùng với vợ là Võ Thị N1 và con trai là Lý Hoài N2.

Anh thống nhất với yêu cầu của ông V và bà T1 về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V, bà T1 và anh T2 vào ngày 04/6/2020 vô hiệu, buộc anh T2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà T1.

Trong quá trình tố tụng anh Lý Văn T4 trình bày:

Vào năm 2020, anh có nghe ông V nói lại việc ông V và bà T1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Lý Văn T2, chứ không phải là uỷ quyền để cắt đất cho các con. Phần đất ông V, bà T1 tặng cho anh T2 là phần đất gia đình anh và gia đình anh B1 đang quản lý, sử dụng. Đối với phần đất ông V, bà T1 tặng cho anh T2 thì anh và vợ anh là chị Nguyễn Bé Hai đang quản lý, canh tác một phần có diện tích theo đo đạc thực tế là 13.125.3m^2, trên phần đất có một căn nhà của ông V cất trước đây, khi về ở thì anh có sửa chữa lại một phần. Đối với phần đất anh đang quản lý thì anh đã sinh sống từ khi con nhỏ, sau đó có thời gian anh đi làm ăn xa đến khoảng năm 2008 thì về sinh sống cho đến nay. Đối với vụ án tranh chấp giữa ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 với anh Lý Văn T2, chị Lưu Mỹ L thì anh không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì. Nếu sau này Toà án giải quyết phần đất này thuộc về ông V, bà T1 hay anh T2 thì giữa anh với những người này sẽ tự thoả thuận giải quyết với nhau, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số:64/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 đối với chị Lưu Mỹ L về việc buộc chị L trả lại cho ông V, bà T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lý Văn V đứng tên quyền sử dụng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 đối với anh Lý Văn T2.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 với anh Lý Văn T2 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước chứng thực ngày 04/6/2020 là vô hiệu.

Buộc anh Lý Văn T2 trả cho bà Trần Thị T1 và ông Lý Văn V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 701349, do ông Lý Văn Dỉ (Lý Văn V) đứng tên quyền sử dụng, được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 09/6/1997.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/7/2023, anh Lý Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của anh T2, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Anh T2 không tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V tranh luận: kháng cáo của anh T2 là không có căn cứ, vì hợp đồng tặng cho giữa anh T2 và ông V được ký kết nhưng ý chí ông V là chỉ ký giấy ủy quyền, để anh T2 làm thủ tục tách phần đất ra cho các con ông V. Ông V hoàn toàn không có ý định tặng cho toàn bộ phần đất trên cho anh T2. Án sơ thẩm xử là có căn cứ, kiến nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh T4 tranh luận: tài sản trên là của ông nội để lại cho các anh em ông, không thể để hết lại cho ông V để ông V cho con riêng ông V là không hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lý Văn T2 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lý Văn V và bà Trần Thị T1 yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V, bà T1 và anh Lý Văn T2, yêu cầu anh T2 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T2 không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của ông V bà T1 nên anh T2 kháng cáo. Xét kháng cáo của anh T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Ông V là cha ruột của anh T2. Năm 2018, ông V có giao cho anh T2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 25.700m^2 do ông V đứng tên. Ngày 04/6/2020, ông V bà T1 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T2 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước chứng thực, là thực tế đã diễn ra. Tuy nhiên ông V và bà T1 xác định chỉ ký giấy ủy quyền cho anh T2 để tách phần đất ra cho các con, không có việc tặng cho toàn bộ phần đất trên cho anh T2. Anh T2 xác định việc ông V bà T1 tặng cho quyền sử dụng đất là do ông bà tự nguyện không có việc gian dối nên hợp đồng tặng cho là hợp pháp.

[3] Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V, bà T1 và anh T2 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước chứng thực ngày 04/6/2020. Theo văn bản số 43/CNVPĐKĐĐ ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước thể hiện *"vào ngày 06/7/2021 ông T2 có đến nộp hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Lý Văn V và bà Trần Thị T1 nhưng sau đó ông T2 đề nghị rút lại hồ sơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trả lại cho người nộp, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Nước chưa thực hiện biến động đối với hồ sơ nêu trên.* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A701349 diện tích 25.700m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp cho ông Lý Văn Dỉ ngày 09/6/1997.

[4] Các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V bà T1 và anh T2. Nhưng thực tế đến thời điểm phát sinh tranh chấp thì anh T2 chưa yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động. Theo khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định *"3. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính".* Nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là chưa hoàn tất.

[5] Ông V bà T1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nêu trên là do bị lừa dối, khi ký hợp đồng nhưng không biết là hợp đồng tặng cho. Ý chí của ông bà là ký giấy ủy quyền để tách phần đất ra cho các con. Xét thấy: sau khi ký hợp đồng tặng cho có Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước chứng thực ngày 04/6/2020, nhưng chưa đăng ký biến động đất đai nên việc tặng cho là chưa hoàn tất. Sau khi ký hợp đồng tặng cho xong thì anh T2 cũng không vào quản lý đất vì trên đất đã cho vợ chồng ông B1 một phần, một phần ông T4 đang sử dụng. Do đó,

nếu hợp đồng tặng cho trên là hợp pháp thì cũng không thể thực hiện được vì đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng đất thực tế không đúng như trong hợp đồng.

[6] Từ phân tích trên án sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho giữa ông V bà T1 và ông T2 vô hiệu là có căn cứ.

[7] Anh T2 kháng cáo nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh T2 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Án phí phúc thẩm: Anh T2 phải chịu 300.000 đồng, ngày 12/7/2023 anh T2 có dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0009342 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lý Văn T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 đối với chị Lưu Mỹ L về việc buộc chị L trả lại cho ông V, bà T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V đứng tên quyền sử dụng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 đối với anh Lý Văn T2.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lý Văn V, bà Trần Thị T1 với anh Lý Văn T2 được Uỷ ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước chứng thực ngày 04/6/2020 là vô hiệu.

Buộc anh Lý Văn T2 trả cho bà Trần Thị T1 và ông Lý Văn V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 701349, do ông Lý Văn Dỉ (Lý Văn V) đứng tên quyền sử dụng, được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 09/6/1997.

Về chi phí tố tụng số tiền 32.879.000 đồng anh Lý Văn T2 phải chịu. Bà Trần Thị T1 và ông Lý Văn V đã dự nộp. Buộc anh T2 có nghĩa vụ trả cho bà T1 và ông V số tiền là 32.879.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày ông V, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh T2 không thi hành khoản tiền nêu trên thì anh T2 phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lý Văn T2 phải chịu 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lý Văn T2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/7/2023 anh T2 có dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0009342 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào